

Bản án số: 147/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/12/2020
(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn
và chia tài sản chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Văn Tâm

2/. Bà Nguyễn Thị Thu Thanh

*Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông
Trần Trung Kiên, Kiểm sát viên.*

Ngày 18 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 432/2019/TLST-HNGĐ
ngày 07 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp yêu cầu ly hôn và chia tài sản
chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày
19 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Phạm Ngọc D, sinh năm 2001

Địa chỉ: ấp TLA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

-Bị đơn: Anh Dương Trung K, sinh năm 2001

Địa chỉ: ấp LC, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Thị Q, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp LC, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

(Chị D và bà Q có mặt; anh K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2020, lời khai trong quá trình tố tụng, lời khai
tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: giữa chị với anh Dương Trung K, đi đến hôn nhân do
mai mối, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới

theo phong tục tại địa phương vào tháng 12 năm 2019 (âm lịch) nhưng đến nay vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị D xác định: trong thời gian chung sống vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, vợ chồng chị đi làm ở Bình Dương, khi chị nằm nghỉ trưa thì có người thanh niên làm chung nắm cái chân của chị, chị không đồng ý nên có la lên thì dì chồng chị làm chung biết, chuyện cũng không có nghiêm trọng gì nhưng chồng chị nói chị giỡn với trai là không tôn trọng chồng, vợ chồng có cự cãi qua lại thì anh K có bỏ nhà đi, sau đó thì chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ ngày 01/7/2020 cho đến nay, hai bên gia đình có hòa giải hàn gắn nhưng không có kết quả, anh K cũng không liên lạc gì với chị. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn hay tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu ly hôn với anh Dương Trung K.

Về con chung: chị Phạm Ngọc D xác định trong thời gian chung sống giữa chị và anh Dương Trung K không có con chung nên khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: chị Phạm Ngọc D xác định trong ngày đám hỏi gia đình bên chồng có cho tổng cộng 16 chỉ vàng 24k, số vàng này sau khi về chung sống thì chị đã đưa cho mẹ chồng bán để cho người khác vay lấy tiền lãi xài, sau đó thì vợ chồng chị đi làm ở Bình Dương nên cũng không biết là mẹ chồng chị cho ai vay, lãi suất bao nhiêu, mỗi tháng được bao nhiêu tiền lãi, nay mẹ chồng chị nói bán 14 chỉ vàng 24k được số tiền tổng cộng 60.000.000 đồng cho người khác vay, còn 02 chỉ vàng 24k thì bán để mua đồ, trả tiền nhà trọ cho vợ chồng chị khi đi làm. Nay ly hôn chị yêu cầu mẹ chồng chị là bà Phan Thị Q trả cho chị số tiền 60.000.000 đồng để vợ chồng chị chia theo quy định pháp luật. Ngoài ra chị không có yêu cầu nào khác.

Về nợ chung: chị Phạm Ngọc D xác định trong thời gian chung sống giữa chị và anh K không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Bị đơn anh Dương Trung K trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 15/12/2020: về quan hệ hôn nhân: giữa anh và chị D cưới nhau vào tháng 12/2019, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng chưa có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cự cãi, chị D đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 7/2020 cho đến nay. Gia đình cũng tiến hành hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý; Về con chung: vợ chồng không có con chung; về tài sản chung: ngày cưới cha mẹ anh có cho 16 chỉ vàng 24k, sau khi cưới thì chị D có đưa cho mẹ anh là bà Phan Thị Q bán được 60.000.000 đồng cho người khác vay, nay ly hôn anh cũng đồng ý chia số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất của số tiền vay anh không yêu cầu; Về nợ chung: không có

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Q trình bày: bà là mẹ ruột của anh Dương Trung K và là mẹ chồng của chị Phạm Ngọc D, tháng 12 năm 2019 bà có tổ chức đám cưới hỏi cho con trai bà là Dương Trung K, trong ngày đám hỏi bà có cho vợ chồng anh K và chị D 14 chỉ vàng 24k, bà con thân tộc

cho 02 chỉ vàng 24k, khi đám cưới xong thì các con ở chung nhà với vợ chồng bà, khoảng tháng 02 năm 2020 thì chị D có hỏi bà bán vàng để mua hui thì bà có nói là bán cho vay có tiền lời xài thì chị D cũng đồng ý. Chị D có đưa bà 05 chỉ vàng 24k bán được số tiền 21.000.000 đồng, sau đó bà cho người khác vay 20.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng thì bà đưa cho chị D cất, sau đó thì chị D trực tiếp bán 05 chỉ vàng 24k, được số tiền bao nhiêu thì bà không biết, bà chỉ biết là chị D có đưa cho bà số tiền 20.000.000 đồng để cho người ta vay, còn 04 chỉ vàng 24k sau thì chị D đưa bà bán 02 chỉ được số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ rõ, bà chỉ nhớ cộng số tiền bán vàng lần này và số tiền 1.000.000 đồng bán vàng lần trước được số tiền 10.000.000 đồng cho người khác vay, còn 02 chỉ vàng 24k khi chị D đi làm có gửi lại thì bà bán được số tiền không biết bao nhiêu nhưng tôi có bù vô cho đủ 10.000.000 đồng rồi cũng cho người khác vay. tổng cộng là 60.000.000 đồng. Sau khi cưới khoảng 04 tháng sau thì vợ chồng chị D và anh K có hỏi bà đi Bình Dương làm thì bà đồng ý cho các con đi làm, khi vợ chồng chị D và anh K đi làm ở Bình Dương thì bà có bán 02 chỉ vàng 24k để làm chi phí cho các con đi làm (mướn nhà trọ, mua đồ xài như bếp gas, chén bát...). Nay D yêu cầu ly hôn với anh K và yêu cầu chia số tiền 60.000.000 đồng thì bà cũng đồng ý giao trả cho vợ chồng chị D và anh K.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị D xác định chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh K, các đương sự xác định không còn tài liệu, chứng cứ để cung cấp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chưa chấp hành nghiêm giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: chị D và anh K chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh K

Về con chung: chị D và anh K không có con chung nên không xem xét

Về tài sản chung: chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Phạm Ngọc D đối với anh Dương Trung K, buộc bà Phan Thị Q có nghĩa vụ giao trả lại cho chị D số tiền 30.000.000 đồng và anh K số tiền 30.000.000 đồng

Về nợ chung: chị D và anh K xác định anh chị không có nợ chung nên không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình và án phí chia tài sản chung thì chị D và anh K phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị D có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh K. Anh K có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Anh Dương Trung K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh K vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: chị D và anh K được mai mối, sau đó được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào tháng 12/2019, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do vào năm 2019 chị D đã đủ tuổi kết hôn, nhưng anh K chưa đủ tuổi kết hôn, đến thời điểm này anh K cũng chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn. Tuy nhiên chị D xác định chị không thể tiếp tục chung sống với anh K, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, hôn nhân giữa chị D và anh K chưa hợp pháp, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên khi xảy ra tranh chấp không được pháp luật bảo vệ. Nay chị D xin ly hôn với anh K thì Hội đồng xét xử không giải quyết cho chị D và anh K ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh K là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Do chị D và anh K không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: xét thấy chị D và anh K thống nhất tài sản chung của anh chị còn lại là 60.000.000 đồng, hiện bà Q đang quản lý, bà Q thừa nhận và đồng ý giao trả cho chị D và anh K số tiền 60.000.000 đồng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật, các đương sự không cần phải có nghĩa vụ chứng minh, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị D và anh K khi ly hôn, buộc bà Phan Thị Q có nghĩa vụ giao lại cho giao trả cho chị Phạm Ngọc D số tiền 30.000.000 đồng và giao trả cho anh Dương Trung K số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ.

Về nợ chung: chị D và anh K cùng thống nhất xác định trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung cũng như không có nợ ai và cũng không ai nợ anh chị, khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Phạm Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007812 ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: chị Phạm Ngọc D phải chịu số tiền 1.500.000 đồng và anh Dương Trung K phải chịu số tiền 1.500.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, chị Phạm Ngọc D đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 750.000 đồng theo biên lai thu số 0007833 ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải được khấu trừ, chị Phạm Ngọc D phải nộp tiếp số tiền 750.000 đồng.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 16; khoản 2 Điều 53; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 554 và Điều 559 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Phạm Ngọc D và anh Dương Trung K là vợ chồng.

2/. Về con chung: Do chị Phạm Ngọc D và anh Dương Trung K không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung: chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Ngọc D về việc yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn với anh Dương Trung K.

Chia cho chị Phạm Ngọc D số tiền 30.000.000 đồng, số tiền trên hiện bà Phan Thị Q đang quản lý buộc bà Q có nghĩa vụ giao trả cho chị D.

Chia cho anh Dương Trung K số tiền 30.000.000 đồng, số tiền trên hiện bà Phan Thị Q đang quản lý buộc bà Q có nghĩa vụ giao trả cho anh K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ Luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/. Về nợ chung: chị Phạm Ngọc D và anh Dương Trung K không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

5/. Về án phí: Chị Phạm Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007812 ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: chị Phạm Ngọc D phải chịu số tiền 1.500.000 đồng và anh Dương Trung K phải chịu số tiền 1.500.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải. Chị Phạm Ngọc D đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 750.000 đồng theo biên lai thu số 0007833 ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải được khấu trừ, chị Phạm Ngọc D phải nộp tiếp số tiền 750.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Phạm Ngọc D và bà Phan Thị Q biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Dương Trung K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện DH;
- Chi cục THADS huyện DH;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Trương Hồng Diễm

